

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:84/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2018
V/v “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Lợi

Ông Ngô Xuân Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2018/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân S. Sinh năm 1986.

Trú tại: xóm 7, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H. Sinh năm 1988.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xóm 7, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang cư trú tại: GroBe – Leege – Str. 85, 13055 Berlin – CHLB Đức.
Xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2018, Bản tự khai của anh Phạm Xuân S thì:

Anh và chị Nguyễn Thị H tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào ngày 24/02/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau hòa thuận được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về

quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, chị H ở nước Đức không quan tâm đến chồng con và phát hiện chị H có người tình ở Đức. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh Phạm Xuân S đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung là Phạm Thị Bảo Ng, sinh ngày 22/02/2011. Hiện con đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, anh và chị H thỏa thuận giao con chung cho anh nuôi dưỡng anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án triệu tập các đương sự để công khai chứng cứ, anh Phạm Xuân S có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho bố đẻ của anh là ông Phạm Xuân S, sinh năm 1964, trú tại xóm 7, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H tuy vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nhưng đã có Bản tự khai trình bày ý kiến của mình về việc ly hôn với anh S: Chị H thừa nhận về điều kiện, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn; mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như anh S đã trình bày. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh S làm đơn xin ly hôn thì chị cũng hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: chị và anh S có một con chung như anh S đã trình bày. Ly hôn, chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị đang cư trú tại Cộng Hòa Liên bang Đức, không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết việc ly hôn nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Các giấy tờ, văn bản tố tụng Tòa án gửi cho chị, chị đề nghị gửi qua mẹ đẻ là bà Lê Thị V, sinh năm 1969, hiện đang trú tại xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng đã có văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình về việc anh S xin ly

hôn với chị, đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Vụ án thuộc trường hợp không thể hòa giải được theo khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, anh Phạm Xuân S cũng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Xuân S và chị Nguyễn Thị H.

[2]. Về hôn nhân: anh Phạm Xuân S và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào ngày 24/02/2010 – là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống hòa thuận với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Hiện tại vợ chồng không còn quan tâm đến nhau cả về tinh thần lẫn vật chất. Cả hai người đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho họ được ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh S và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Xuân S; Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh Phạm Xuân S và chị Nguyễn Thị H được ly hôn.

[3]. Về nuôi con chung: anh S và chị H có một con chung là Phạm Thị Bảo Ng, sinh ngày 22/02/2011. Lâu nay và hiện tại anh đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, anh S và chị H thỏa thuận giao con chung cho anh nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng cũng như thỏa thuận của anh S và chị H là chính đáng, tự nguyện, đúng với quy định của pháp luật, vì sự phát triển về mọi mặt của con. Hơn nữa hiện nay cháu Ng đang do anh S nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao con chung Phạm Thị Bảo Ng cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H do anh S không yêu cầu. Chị H có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: anh S và chị H thống nhất không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: anh Phạm Xuân S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2, Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5, điểm b khoản 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Phạm Xuân S.

1. Về hôn nhân: Cho anh Phạm Xuân S và chị Nguyễn Thị H được ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Thị Bảo Ng, sinh ngày 22/02/2011 cho anh Phạm Xuân S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Chị Nguyễn Thị H có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: anh Phạm Xuân S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000825 ngày 31/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

4. Về quyền kháng cáo: anh Phạm Xuân S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục Thi án dân sự tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Sơn